

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 1: 那天我没有仔细看, 所以对他的才艺表演只是有一个_____的印象。

- A. 大概 B. 大约 C. 大批 D. 概念

Câu 2: 酒后开车很危险, _____只喝了一点儿, 发生车祸的几率_____非常大。

- A. 要是……就…… B. 不论……都……
C. 即使……也…… D. 不只……而且……

Câu 3: _____ 今年春季雨量充足, _____ 夏粮获得了大丰收。

- A. 固然……但是…… B. 一旦……就……
C. 与其……不如…… D. 因为……所以……

Câu 4: 音乐_____属于伟大的音乐家, _____属于茫茫人海中的每一个人。

- A. 因为……所以…… B. 不仅……还……
C. 不论……都…… D. 不但……反而……

Câu 5: 今天正是个好机会, 我可以向他_____东南亚股票市场的情况。

- A. 理解 B. 了解 C. 明白 D. 知道

Câu 6: 去年, 裁剪小组_____地完成了公司交给的任务, 因此得到领导的表扬。

- A. 优秀 B. 出色 C. 有名 D. 出名

Câu 7: 我们姐妹俩从小就养成了饭前洗手的_____。

- A. 习惯 B. 练习 C. 习俗 D. 习性

Câu 8: _____对外经济贸易谈判_____, 这位女部长常使对手折服。

- A. 在……中 B. 在……内 C. 在……下 D. 在……里

Câu 9: 王师傅设计的这套家具_____好看_____实用。

- A. 边……边…… B. 既……又……
C. 一边……一边…… D. 既……就……

Câu 10: 科学家_____这种反常的现象作出了令人信服的解释。

- A. 由于 B. 至于 C. 关于 D. 对于

Câu 11: 你放心, 这种绿色食品_____受顾客欢迎, _____不愁没有市场。

- A. 只有……才…… B. 不管……都…… C. 除了……还…… D. 只要……就……

Câu 12: 导游给我们介绍的这_____独柱寺是河内有名的景点之一。

- A. 座 B. 块 C. 根 D. 条

Câu 13: 这么多事, 老张一个人怎么做得_____呢。

- A. 起来 B. 下去 C. 下来 D. 过来

Câu 14: 飞机_____就要起飞了, 请大家系好安全带。

- A. 立刻 B. 马上 C. 顿时 D. 赶忙

Câu 15: 自从开了自己的网店后, 我的生活跟以前完全不同了, 有时间就待在网上, _____ 逛街的兴趣都没了。

- A. 即使 B. 不但 C. 甚至 D. 因为

Câu 16: 只要打个电话人家就把货送来, 你_____要自己去呢?

- A. 未必 B. 不必 C. 何必 D. 一定

Câu 17: 越南人民的胜利多么不容易_____!

- A. 吧 B. 呢 C. 啊 D. 啦

Câu 18: 每天早餐过后, 我会走进书房, 读一读, 写一写, 累_____就泡一杯清茶, 听一首歌。

- A. 着 B. 得 C. 过 D. 了

Câu 19: _____少睡点儿觉, _____把这篇文章写完。

- A. 无论……也…… B. 尽管……但是……
C. 宁可……也要…… D. 除非……要不……

Câu 20: 我承认荣誉很有价值, _____我从来不曾为追求这些荣誉而工作。

- A. 甚至 B. 却 C. 则 D. 不过

Câu 21: 花园_____的花卉不能摘, 你又不是不知道!

- A. 下 B. 上 C. 里 D. 中

Câu 22: _____知道那些都不是正当理由, 那你当时为什么还同意他请假呢?

- A. 即使 B. 要是 C. 虽然 D. 既然

Câu 23: 到了红绿灯那儿_____右拐, 走不远就是儿童游乐区。

- A. 向 B. 对 C. 凭 D. 给

Câu 24: 你怎么在这种场合开他的玩笑, 弄_____人家很尴尬。

- A. 地 B. 得 C. 着 D. 的

Câu 25: 快要办出境手续了, 但护照_____找也找不着了, 王兰急得出了一身汗。

- A. 这样 B. 那么 C. 什么 D. 怎么

Câu 26: 各所学校_____都提出为学生的德、智、体全面发展的计划, _____到目前为止未能彻底地实现。

- A. 由于……因此…… B. 虽然……但是……
C. 既然……就…… D. 哪怕……也……

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 27: Phiên âm đúng của từ 规模 là: g_____mó.

- A. uī B. ān C. iū D. uān

Câu 28: Phiên âm đúng của từ 自卑 là: zì_____ēi.

- A. d B. b C. n D. p

Câu 29: Phiên âm đúng của từ 招揽 là: zhāol_____.

- A. iǎn B. ǎng C. ǎn D. ǐn

Câu 30: Phiên âm đúng của từ 虔诚 là: _____iánchéng.

- A. j B. q C. x D. m

Câu 31: Phiên âm đúng của từ 报刊 là: bào_____ān.

- A. p B. h C. k D. g

Câu 32: Phiên âm đúng của từ 脸颊 là: liǎnj_____.

- A. ián B. uán C. iá D. ié

Câu 33: Phiên âm đúng của từ 中毒 là: _____.

- A. zhòngdǔ B. zhōngdǔ C. zhōngdú D. zhòngdú

Câu 34: Phiên âm đúng của từ 教书 là: _____.

- A. jiāoshū B. jiàoshū C. jiàoshù D. jiāoshù

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 35: 一位伟人说过：“不热烈 **A** 勇敢 **B** 追求 **C** 成功而能取得 **D** 成功，世上绝无这样的人。”（地）

Câu 36: **A** 站在那群 **B** 里边的 **C** 是大家喜欢的 **D** 影星。（最）

Câu 37: 很多 **A** 领导人都 **B** 曾经在 **C** 工作 **D** 过很长时间。（最普通的岗位上）

Câu 38: 应该 **A** 把 **B** 控制人口数量和 **C** 提高人口素质 **D** 为我国第一项基本国策。（确定）

Câu 39: 你们怎么现在才回来 **A**？大家已经在这儿 **B** 等了 **C** 你们 **D** 了。（半天）

Câu 40: **A** 对于 **B** 社会上的 **C** 现象 **D** 要坚决抵制。（不良）

Câu 41: 我按他 **A** 的地址 **B** 找到了 **C** 他的家 **D**。（留下来）

Câu 42: 这些模型都是 **A** 与实物一比二的 **B** 比例 **C** 缩小后 **D** 制成的。（按照）

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 43: 这样雄伟的_____，竟然只用了半年的时间就完成了。

- A. 建巩 B. 健巩 C. 建筑 D. 健筑

Câu 44: 父母的_____说不完，道不尽，我们每个人要铭刻在心。

- A. 恩情 B. 思情 C. 恩情 D. 恩晴

Câu 45: 时代不同了，再按照老_____来做事就可能行不通了。

- A. 规臣 B. 规距 C. 规矩 D. 规矩

Câu 46: 学生们要为祖国工业化、现代化的事业做出应有的_____。

- A. 贡献 B. 页献 C. 贡楠 D. 喷献

Câu 47: 她是我们学校品学_____的学生。

- A. 谦尤 B. 谦优 C. 兼优 D. 兼尤

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 48 đến câu 57.

(48)_____，买东西总要上街去买，现在，呆在家里也能买到东西。网上购物已经成为一种新的购物方式。网上购物 (49)_____通过因特网来购物。在网上怎么样购物呢？比如，一家名 (50)_____“啥都有”的网上商店，它的主页上列着商品种类的名称，如化妆品、鞋帽、计算机、家用电器、服装等等。(51)_____你用鼠标点一下化妆品，会展示一个关于化妆品的主页，在这个主页上会有各种各样的品牌，当你找到自己感兴趣的化妆品时，用鼠标点一下，(52)_____出现一个网页，上面详细介绍了该产品的特点、价格等有关问题。(53)_____，网页上会有一个表格，列有姓名、地址、购买数量、总金额、付钱方式等，供你决定购买时填写。填了这个表格 (54)_____完成了购物，商店会把东西送到你的家里。网上购物有几个优点：首先，你可以对感兴趣的商店做详细的了解。(55)_____，你可以到各个网上商店了解各个品牌的情况，十分方便。还有，你不会 (56)_____上街购物那么累。对一部分消费者来说非常 (57)_____的一点是价格便宜。你自己可以试一试。

(摘自 百度网——百科知识，有删改)

Câu 48: A. 以往 B. 将来 C. 目前 D. 往来

Câu 49: A. 还是 B. 而是 C. 就是 D. 不是

Câu 50: A. 当 B. 为 C. 起 D. 成

Câu 51: A. 如果 B. 不管 C. 哪怕 D. 既然

Câu 52: A. 又 B. 再 C. 却 D. 也

Câu 53: A. 相同 B. 同时 C. 因而 D. 因此

Câu 54: A. 将 B. 还 C. 为了 D. 就

Câu 55: A. 次要 B. 最后 C. 其次 D. 然后

- Câu 56:** A. 具有 B. 如 C. 比 D. 像
Câu 57: A. 重大 B. 主张 C. 主要 D. 重要

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 58:** 出国学习这一年使我感受到独立生活的不易。
A. 动词 B. 形容词 C. 名词 D. 代词
- Câu 59:** 《红苹果别墅》这部电视连续剧很不错，我想接着看下去。
A. 形容词 B. 连词 C. 名词 D. 副词
- Câu 60:** 这个数码照相机质量很好，只是价钱有点儿贵，我买不起。
A. 动词 B. 名词 C. 连词 D. 副词
- Câu 61:** 要是什么都要学就够你学一辈子的。
A. 代词 B. 名词 C. 动词 D. 量词
- Câu 62:** 离开老师已经近三十年了，但他仍然在我的记忆里行走、微笑。
A. 副词 B. 介词 C. 动词 D. 助词
- Câu 63:** 姐姐看着弟弟着急地问：“你的脸色怎么这么苍白呢？”
A. 形容词 B. 代词 C. 副词 D. 名词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 64:** 我觉得营养过量和运动过少是造成很多人肥胖的原因。
A. 太少 B. 缺乏 C. 不好 D. 太多
- Câu 65:** 中午他们都不回家吃饭，我倒省心了。
A. 很高兴 B. 不用做饭 C. 不用担心 D. 省钱了
- Câu 66:** 这栋楼的居住条件这样差，相信很难会有理想的生活环境。
A. 高效 B. 舒服 C. 满意 D. 合理
- Câu 67:** 嗨，小张都长大了，有的事你就睁一只眼，闭一只眼吧。
A. 只关心一半 B. 假装近视眼 C. 不用多管 D. 闭上眼睛
- Câu 68:** 小阮是个很爱面子的人，这次考试的成绩不太好，你千万别告诉别人。
A. 希望得到表扬 B. 把成功的经验告诉别人
C. 让别人看到好的方面 D. 希望自己成功
- Câu 69:** 在妻子的要求下，丈夫除了让步就别无选择了。
A. 从不选择 B. 没别的选择 C. 不忍心选择 D. 不会选择让步
- Câu 70:** 骗人是要付出代价的，这你一开始就应该想到的。
A. 受惩罚 B. 价钱很高 C. 被批评 D. 挣不到钱
- Câu 71:** 你放心吧，这个问题对我是小菜一碟，准办好。
A. 很容易 B. 会做菜 C. 很方便 D. 愿意
- Câu 72:** 昨天我们在联欢会上唱歌唱得很过瘾。
A. 热闹 B. 痛快 C. 好听 D. 很晚
- Câu 73:** 你别替他说情，这样的人再不教育就晚了。
A. 介绍朋友 B. 说坏话 C. 介绍情况 D. 说好话
- Câu 74:** 嫂子的性格很开朗，都四十岁了，但还那么年轻，真是“笑一笑，十年少”。
A. 爱笑的人能年轻十岁 B. 性格好的人很年轻
C. 乐观的人不会变老 D. 乐观能使人显得年轻
- Câu 75:** 这样复杂的操作过程连大人都很难完成，更何况是十一二岁的孩子！
A. 而且 B. 何必 C. 不但 D. 别说

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 76 đến câu 80.

一般家庭都在早上起床后开窗换气，认为此时空气新鲜。其实，空气新鲜不新鲜，取决于污染的轻重，取决于污染源的多少。

当地面温度高于高空温度时，地面的空气上升，污染物容易被带到高空扩散；当地面温度低于高空温度时，天空中就容易形成“逆温层”，它像一个大盖子一样盖在地面上空，使地面空气中各种污染物难以扩散。一般在夜间、早晨和傍晚地面温度低于高空温度时，容易出现逆温层，所以，此时空气最不干净。白天太阳出来后，地面温度迅速上升，逆温层就会逐渐消散，于是污染物也就很快扩散了。

据科学家们检测，在一天二十四小时中，上午、中午和下午空气污染很轻，其中上午十点至下午三四点空气最为新鲜，所以此时换气最佳；早上、傍晚和晚上空气污染较为严重，其中尤以早上七点左右为污染高峰时间，空气最不新鲜。

(据1997年4月3日《羊城晚报》，有删改)

Câu 76: 为什么一般家庭在早上起床后开窗换气?

- A. 认为早上的阳光对身体有好处
- B. 早上天气凉快
- C. 认为早上空气新鲜
- D. 起床后顺手开窗

Câu 77: 什么时候开窗换气比较好?

- A. 晚上和夜间
- B. 上午和下午
- C. 下午和傍晚
- D. 早上和上午

Câu 78: 什么时候空气比较新鲜?

- A. 高空温度低于地面温度时
- B. 地面温度和高空温度一样时
- C. 早上太阳刚出来时
- D. 地面温度低于高空温度时

Câu 79: “逆温层”的主要作用是:

- A. 使污染物不易扩散
- B. 像盖子一样盖在地面上空
- C. 使地面温度低于高空温度
- D. 使污染物容易扩散

Câu 80: 本文没有提到的内容是:

- A. 污染物的来源
- B. 一般家庭开窗换气的习惯
- C. 形成逆温层的原因
- D. 开窗换气的最佳时间

----- HẾT -----